TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 01/2018/HNGĐ - PT
Ngày: 16/1/2018
V/v "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LC

Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Tố Nga

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa.

Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

***Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Trịnh Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LC.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LC : Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 16 tháng 1 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh LC, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01 /2017/HNGĐ - PT ngày 20/10/2017 về việc "Xin ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ - ST ngày 12/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TU, tỉnh LC bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2017/ QĐPT ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Bà Tòng Thị B - Sinh năm 1977 (Có mặt).

2, Bị đơn: Ông Lò Văn B (tên gọi khác V) - Sinh năm 1982 (Có mặt).

Đều trú tại: Bản BL 2, xã PT, huyện TU, tỉnh LC.

3, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lò Văn Ó, sinh năm 1949, Trú tại: Bản BL1 xã PT, huyện TU , tỉnh LC (Có mặt).

- Ông Tòng Văn S, sinh năm 1975. Trú tại: Bản BL2 xã PT, huyện TU , tỉnh LC (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Tòng Thị B trình bày:

Bà B và ông Lò Văn B tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2000 có tổ chức lễ cưới, năm 2002 mới đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc được 8 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà B bị hạn chế về sinh hoạt vợ chồng, nên ông B không chung thuỷ, vợ chồng ly thân từ năm 2015 và có nhờ thôn bản phân chia tài sản vào ngày 19/4/2015, ông B được sở hữu 01 nhà xây cấp 04, 01 xe máy và toàn bộ diện tích ruộng lúa, số tài sản còn lại giao cho hai mẹ con bà B sử dụng. ông B chung sống với người phụ nữ khác được một thời gian thì thường xuyên đến gây gổ, chửi bới, xúc phạm, đập phá tài sản của hai mẹ con, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà B khởi kiện xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà B và ông B có một con nuôi là Lò Văn Q, sinh ngày 12/5/2005, bà B nhận nuôi con.

Về tài sản chung gồm: 01 nhà xây cấp 4 lợp pờ lô xi măng có diện tích sử dụng 66, 2m^2 nằm trên diện tích đất thổ cư 298 m^2, có tổng trị giá 184.768.000 đồng. (trị giá nhà 95.368.000 đồng, đất là 89.400.000 đồng); 01 nhà gỗ 3 gian có diện tích sử dụng khoảng 30, 2m^2 có giá trị 30.527220 đồng nằm trên đất của ông Tòng Văn S anh trai chị B; 01 máy xay xát gạo; 06 ô chuồng lợn; 01 xe máy hiệu YAMAHA – Novo, 02 xe máy hiệu Way đã cũ; 01 tủ tiường; 01 bộ bàn ghế; 02 giường gỗ 1,5m; 01 tivi + đầu đĩa; 01 nương chè đang tuổi thu hoạch có diện tích khoảng 12,000m^2; 01 khu ruộng lúa có diện tích khoảng 2,500m^2 và 01 khu ruộng có diện tích là 780m^2 ; 02 con lợn sề.

Ông Lò Văn B thừa nhận về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như bà B đã trình bày là đúng, nay bà B xin ly hôn ông đồng ý. Nhưng về con nuôi, ông nhận quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung ông đề nghị chia lại số diện tích ruộng lúa tại khu (Nậm bó) và cho rằng: Một nương chè và 03 mảnh ruộng tại khu (ruộng chiêm) là tài sản của bố đẻ ông Lò Văn Ó tặng cho riêng ông, nên đề nghị được sở hữu, số tài sản còn lại giữ nguyên như thôn bản đã chia cho vợ chồng. Do vợ chồng không thống nhất được giá trị từng loại tài sản, ông B có đơn đề nghị Hội đồng định giá tài sản chung. Hội đồng định giá đã tiến hành định giá tài sản. Toà án huyện TU đã thẩm định tại chỗ về nương chè, đất thổ cư tại nhà xây cấp 4 và 02 khu ruộng lúa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Ó trình bày: Ông có vay ngân hàng 7.000.000 đồng, ngày 24/11/2005 ông có viết giấy giao toàn quyền cho con trai là Lò Văn B chăm sóc, thu hoạch toàn bộ diện tích nương chè 01 ha và có nghĩa vụ trả ngân hàng 7.000.000 đồng, ông không liên quan gì đến số diện tích chè này, còn 03 mảnh ruộng là do thôn bản chia cho ông sau khi xóa bỏ hợp

tác xã, nhưng do ông còn nợ sản phẩm là 90 kg thóc, ông giao cho con Lò Văn B trực tiếp sản xuất và phải trả 90 kg thóc cho Hợp tác xã. Nay vợ chồng ông B, bà B ly hôn thì ông đòi lại 01 ha đất chè và 03 mảnh ruộng trên hoặc giao cho ông B toàn quyền sở hữu chứ không nhất trí chia số tài sản này cho bà B.

Ông Lò Văn S khai rằng: Ngày 18/9/1998 gia đình ông được Uỷ ban nhân dân huyện TU cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 5,003m^2. Vợ chồng cô B mới kết hôn do không có đất ở nên ông cho mượn để làm 3 gian nhà gỗ và xây dựng công trình phụ khác để ở. Hiện nay cô B đang ở, nếu cô B ly hôn và không còn nhu cầu ở thì ông sẽ lấy lại đất đó.

Bản án sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TU xét xử và quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 53; 56; 59; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 213; 217; 219; 462 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH 12, ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tòng Thị B. Xử cho chị Tòng Thị B được ly hôn với anh Lò Văn B.

2. Về con chung: Chị Tòng Thị B được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lò Văn Q, sinh ngày 12/5/2005 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi, tạm thời anh Lò Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Bịnh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Xử cho chị Tòng Thị B được quyền sở hữu, định đoạt tài sản gồm: 01 nhà gỗ 3 gian nhỏ có diện tích 30m^2 có giá 30.527.220đ; 01 máy xay xát gạo có giá 25.500.000đ; 06 ô chuồng lợn có giá 10.726.240đ; 01 xe máy hiệu YAMAHA-Novo đã cũ có giá 4.600.000đ; 01 xe máy Way đã cũ có giá 1.500.000đ; 01 tủ tường có giá 750.000đ; 02 giường gỗ 1,5m có giá 2.000.000đ; 01 ti vi + đầu đĩa có giá 1.300.000đ; 02 con lợn sề có giá 4.000.000đ (số tài sản này chi Biển đang quản lý). Chị Tòng Thị B được quyền sở hữu định đoạt 1/2 diện tích nương chè (phần giáp nương của anh Lò Văn Đ và Lò Văn C) có diện tích 6355m^2 có giá 133.465.500đ; 01 khu ruộng lúa (Nậm Bó) có diện tích là 2.665m^2 có giá 69.290.000đ (hiện anh Lò Văn B đang sử dụng). Tổng giá trị tài sản chị được hưởng là: 283.658.960 đồng. Chị Tòng Thị B có trách nhiệm tháo dỡ công trình trên đất và hoàn trả lại số đất đã mượn cho anh Tòng Văn S đủ nguyên trạng diện tích đất như đã mượn.

- Xử cho anh Lò Văn B được quyền sở hữu, định đoạt tài sản gồm: 01 nhà xây cấp 4 lợp pờ lô xi măng có diện tích sử dụng 66m^2 nằm trên diện tích đất thổ cư là 298m^2 có tổng giá trị 184.768.000đ; 01 xe máy hiệu Way đã cũ có giá 1.500.000đ; 01 bộ bàn ghế có giá 750.000đ; 03 thửa ruộng lúa có diện tích là 780m^2 có giá 20.280.000đ (khu ruộng chiêm); 1/2 diện tích nương chè (Phần giáp

đường dân sinh) có diện tích 6355m^2 có giá 133.465.500đ. Tổng giá trị tài sản anh được hưởng là 340.763.500 đồng.

Phần chênh lệch giá trị tài sản các bên không đề nghị chia, nên không đề cập giải quyết. Việc chia đôi diện tích nương chè cho các bên căn cứ theo sơ đồ trích do thửa đất kèm theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Buộc chị Tòng Thị B phải chịu 200.00đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. *(Xác nhận chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001395 ngày 09/8/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu)* chị còn phải nộp tiếp 14.182.948đ án phí theo giá ngạch tương ứng với tổng giá trị tài sản chị được hưởng. Buộc anh Lò Văn B phải chịu 17.038.175đ án phí theo giá ngạch tương ứng với tổng giá trị tài sản anh được hưởng.

Sau khi tuyên án sơ thẩm ông B có kháng cáo với nội dung:

Không đồng ý chia ½ nương chè cho bà B và 03 thửa ruộng 780 m^2 là tài sản chung vì đó là tài sản của bố mẹ ông là Lò Văn Ó; Không lấy nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 298,2 m^2 vì đất đó là của em trai Lò Văn Đ, đồng thời xuất trình 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Ó.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ngày 07/12/2017 ông Lò Văn Đ có đơn gửi Toà án nhân dân tỉnh LC đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết quyền lợi cho ông, ông không đồng ý cho vợ chồng B, B diện tích đất 298 m^2 vì ông chỉ cho vợ chồng B, B mượn làm nhà tạm, ông xuất trình 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lò Văn Đ và bà Lò Thị V. Tại phiên toà phúc thẩm ông Đ có mặt và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết diện tích đất 298 m^2 để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông.

Trong phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LC đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng Điều 273, Điều 274, Điều 310/ Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Chấp nhận kháng cáo của ông Lò Văn B và huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TU, tỉnh LC về phần chia tài sản chung, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện TU xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Về tố tụng: Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Tòng Thị B đối với ông Lò Văn B Toà án nhân dân cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo điều 28/ Bộ luật tố tụng dân sự và điều 8, Điều 9, điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình là đúng quy định.

Về nội dung: Bà Tòng Thị B khởi kiện xin ly hôn với ông Lò Văn B với lý do là sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc được 08 năm, sau đó

tình cảm vợ chồng bị dạn nứt, nguyên nhân là do bà B bị hạn chế về sinh hoạt vợ chồng, nên ông B không chung thuỷ và sống chung với người khác, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, bà B yêu cầu xin ly hôn, ông B đồng ý. Về con chung: Có 01 con nuôi là Lò Văn Q, sinh năm 2005 hiện đang ở với bà B.

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa bà Tòng Thị B và ông Lò Văn B để xét xử cho ly hôn, giao con chung cho chị B nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình đảm bảo về quyền lợi vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên.

Về phần tài sản chung, tại phiên toà phúc thẩm ông B vẫn giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với diện tích ½ nương chè và 03 thửa ruộng 780 m^2 chia cho bà B Tại toà án cấp sơ thẩm bà Biển và ông B đã khai được bố là ông Lò Văn Ó cho có điều kiện phải trả 7.000.000 đồng cho Ngân hàng và 90 kg thóc cho Hợp tác xã đến nay bà B và ông B đã trả xong, sau đó ông Ó không có ý kiến gì. Toà án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung và chia cho bà B và ông B. Xét thấy việc chia tài sản cho bà Biển và ông B không có tứ cận, không rõ ranh giới, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[2] Đối với diện tích đất 298 m^2, Toà án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm ông Lò Văn Đ xuất trình một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lò Văn Đ và bà Lò Thị V, đồng thời có đơn đề nghị xem xét diện tích đất 298 m^2 . Xét thấy tại cấp sơ thẩm bà B và ông B khai nhà xây cấp 4 nằm trên đất mua của chú Đ, nhưng toà án cấp sơ thẩm không đưa ông Lò Văn Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, chưa xem xét đến quyền lợi của ông Đ là bỏ sót người tham gia tố tụng vi phạm nghiêm trọng tố tụng, vi phạm khoản 4 điều 68/ Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà ông Lò Văn Đ yêu cầu giải quyết quyền lợi cho gia đình ông là có căn cứ.

Do đó cần chấp nhận kháng cáo của ông Lò Văn B và Huỷ một phần bản án sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TU về phần chia tài sản chung, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện T U, tỉnh LC để xét xử lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí:

Về án phí phúc thẩm: Ông Lò Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Về án phí sơ thẩm sẽ được Toà án cấp sơ thẩm xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1, Áp dụng khoản 1 Điều 53; 56; 59; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 213; 217; 219; 462 Bộ luật dân sự; Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2, Chấp nhận kháng cáo của ông Lò Văn B và Huỷ một phần bản án sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ -ST ngày 12/9/2017 của Toà án nhân dân huyện TU, tỉnh LC về phần chia tài sản chung. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Tân Uyên giải quyết theo thủ tục chung.

3, Về án phí: Án phí phúc thẩm: Ông Lò Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (Xác nhận ông B đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2010/0001448 ngày 20/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC) nay được hoàn lại. Về án phí sơ thẩm sẽ được Toà án cấp sơ thẩm xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

4, Quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, việc nuôi con chung và những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 16/1/2018).

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND huyện Tân Uyên;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Tố Nga